Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8524.19.00

Mã HS	8524.19.00
Mô tả hàng hóa	Mô-đun màn hình dẹt, có hoặc không tích hợp màn hình cảm ứng / - Không có trình điều khiển (driver) hoặc mạch điều khiển: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 10:47:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85241900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15576
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15576
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15576
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14891
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14832
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14832
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14832
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14832
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14832
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14832
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14886
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14886
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14886

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14886
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14886
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14886
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14887
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14887
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14887
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14887
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14887
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14887
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14890
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14838
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14846
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14846
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14846
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14846
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14846
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14846
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14877
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14877
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14877
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14877
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14877
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14877
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14932
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14932
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14932

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14932
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14932
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14932
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D14911
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E14911
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F14911
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G14911
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H14911
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I14911
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D14909
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E14909
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F14909
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G14909
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H14909
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I14909
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14924
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14924
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14924
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14924
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14924
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14924
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14923
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14923
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14923
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14923
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14923

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14923
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14916
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14916
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14916
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14916
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14916
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14916
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14916
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14911
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14911
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14911
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14911
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14911
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14911
RCEP B	2022	2022	0	B!D14911
RCEP B	2023	2023	0	B!E14911
RCEP B	2024	2024	0	B!F14911
RCEP B	2025	2025	0	B!G14911
RCEP B	2026	2026	0	B!H14911
RCEP B	2027	2027	0	B!I14911
RCEP C	2022	2022	0	C!D14911
RCEP C	2023	2023	0	C!E14911
RCEP C	2024	2024	0	C!F14911
RCEP C	2025	2025	0	C!G14911
RCEP C	2026	2026	0	C!H14911
RCEP C	2027	2027	0	C!I14911

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D14910
RCEP D	2023	2023	0	D!E14910
RCEP D	2024	2024	0	D!F14910
RCEP D	2025	2025	0	D!G14910
RCEP D	2026	2026	0	D!H14910
RCEP D	2027	2027	0	D!I14910
RCEP E	2022	2022	0	E!D14914
RCEP E	2023	2023	0	E!E14914
RCEP E	2024	2024	0	E!F14914
RCEP E	2025	2025	0	E!G14914
RCEP E	2026	2026	0	E!H14914
RCEP E	2027	2027	0	E!I14914
RCEP F	2022	2022	0	F!D14911
RCEP F	2023	2023	0	F!E14911
RCEP F	2024	2024	0	F!F14911
RCEP F	2025	2025	0	F!G14911
RCEP F	2026	2026	0	F!H14911
RCEP F	2027	2027	0	F!I14911
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13890
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13890
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13890
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13890

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8524.19.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8524.19.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8524.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8524.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15576), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.